|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM** |  |
| **Câu 1** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **1. Những vị trí nào trên bề mặt Trái Đất có hiện tượng Mặt Trời mọc chính Đông và lặn chính Tây ( 1 điểm)** |  |
|  | -Hiện tượng Mặt Trời mọc lặn là một loại chuyển động biểu kiến diễn ra trong ngày, đó là hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. Tuy nhiên không phải mọi nơi trên Trái Đất đều quan sát thấy Mặt Trời mọc chính Đông và lặn chính Tây.  -Chỉ trong khu vực nội chí tuyến mới có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh (Tia nắng Mặt Trời tạo gốc nhập xạ bằng 900 lúc 12h trưa) thì mới thấy Mặt Trời mọc ở chính Đông và lặn ở chính Tây. | 0,5  0,5 |
|  | **2. Hiện tượng này xuất hiện vào các ngày trong năm ( 1 điểm)** |  |
|  | - Tại Xích đạo có 2 ngày Mặt Trời mọc ở chính Đông và lặn ở chính Tây đó là ngày xuân phân (21/3) và ngày thu phân (23/9). (  - Ở chí tuyến Bắc hiện tượng này xảy ra 1 ngày, đó là ngày hạ chí (22/6). Ở chí tuyến Nam hiện tượng này xảy ra 1 ngày, đó là ngày đông chí (22/12).  - Ở những địa điểm khác trong vùng nội chí tuyến sẽ có hai ngày quan sát thấy Mặt Trời mọc ở chính Đông và lặn ở chính Tây-là hai ngày Mặt Trời lên thiên đỉnh tại điểm đó.  - Các điểm ở vùng ngoại chí tuyến không bao giờ có hiện tượng Mặt Trời mọc ở chính Đông và lặn ở chính Tây. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **3.Tính góc nhập xạ( 2 điểm)** |  |
|  | Dựa vào biểu thức:  Bán cầu mùa hạ:  Bán cầu mùa đông:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Địa điểm và vĩ độ* | *Ngày hạ chí* | *Ngày đông chí* | | Cần Thơ (10002’B) | 76035’ | 56031’ | | T.p Hồ Chí Minh (10047’B) | 77020’ | 55046’ | | Buôn Ma Thuột (12041’B) | 79014’ | 53052’ | | Huế (16026’B) | 82059’ | 50007’ | | Hà Nội (21002’B) | 87035’ | 45031’ | | Sa Pa (22020’B) | 88053’ | 44013’ | | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**Trường THPT Ngô Gia Tự. KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI**

**Tổ Địa lý** Môn: Địa lý 10- Lần thứ nhất

Thời gian làm bài: 180 phút ( không kể thời gian phát đề)

*Năm học 2019 – 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 2** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1**  **(4,0 đ)** | - Vĩ độ địa lí: càng lên vĩ độ cao, góc chiếu sáng của Mặt Trời (góc nhập xạ) càng nhỏ, chênh lệch thời gian chiếu sáng (ngày và đêm) trong năm càng lớn nên nhiệt độ trung bình năm càng giảm, biên độ nhiệt năm càng lớn.  - Lục địa và đại dương: do tính chất vật lí của đất và nước khác nhau nên nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất đều nằm trên lục địa, đại dương có biên độ nhiệt nhỏ, lục địa có biên độ nhiệt lớn. Càng xa đại dương, biên độ nhiệt năm càng tăng do tính chất lục địa tăng dần. Nhiệt độ không khí còn thay đổi theo bờ đông và bờ tây lục địa, do ảnh hưởng của dòng biển nóng, lạnh và sự thay đổi hướng của chúng.  - Địa hình: càng lên cao, nhiệt độ càng giảm. Sườn núi ngược chiều với ánh sáng Mặt Trời thường có góc nhập xạ (góc chiếu sáng) lớn nên nhận được lượng nhiệt cao hơn. Sườn núi cùng chiều với ánh sáng Mặt Trời thường có góc nhập xạ (góc chiếu sáng) nhỏ hơn nên nhận được lượng nhiệt thấp hơn.  -Mối quan hệ giữa các nhân tố này khác nhau ở mỗi nơi trên Trái Đất: Ở khu vực ôn đới, các dãy núi chạy theo hướng đông - tây, sườn phía bắc có nhiệt độ thấp hơn sườn núi phía nam (do nhận được lượng bức xạ Mặt Trời nhiều hơn). Những nơi tuy ở sát biển, nhưng do sự thống trị của cao áp và tác động của dòng biển lạnh, biên độ nhiệt năm vẫn cao…  ***(Nêu không phân tích làm rõ thì chỉ được 0,5 đ/ý)*** | 1,0  1,0  1,0  1,0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 3** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a.Công nghiệp thực phẩm được coi là ngành công nghiệp chủ đạo ở nhiều nước đang phát triển vì (**2 điểm **):** |  |
|  | -Có điều kiện phát triển phù hợp với các nước đang phát triển : sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, không đòi hỏi nhiều vốn, công nghệ và trình độ cao của người lao động…  -Mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao : thu hồi vốn nhanh, tăng khả năng tích lũy vốn, tạo việc làm, tăng thu nhập…  -Đáp ứng nhu cầu hàng ngày về ăn uống, tạo nguồn hàng xuất khẩu  -Các ngành công nghiệp khác chưa có điều kiện phát triển | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
|  | **b. Vai trò của thị trường đến sự phát triển và phân bố công nghiệp (**0,5 điểm) |  |
|  | -Tác động mạnh mẽ tới quá trình chọn lựa xí nghiệp  -Thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển các ngành công nghiệp, định hướng chuyên môn hóa sản xuất, thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp | 0,25  0,25 |
|  | **Công nghiệp điện tử - tin học thường tập trung ở các thành phố lớn trên thế giới, vì** ( 1 điểm) **:** |  |
|  | -ít gây ô nhiễm  -Không chiếm diện tích lớn  -Không tiêu thụ nhiều kim loại, nước, điện  -Yêu cầu lao động trẻ, có trình độ  -Cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật phát triển  -Ở các thành phố lớn có nhu cầu cao về sản phẩm điện tử- tin học | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 4** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a.Phân biệt gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học?(** 1,25 điểm) |  |
|  | * Gia tăng dân số tự nhiên là sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô. * Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên được coi là động lực phát triển dân số. * Gia tăng cơ học gồm hai bộ phận: xuất cư (những người rời khỏi nơi cư trú) và nhập cư (những người đến di cư trú mới). * Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và nhập cư được gọi là gia tăng cơ học. * Trên phạm vi toàn thế giới, gia tăng cơ học không ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số nói chung, nhưng đối với từng khu vực, từng quốc gia thì nó lại có ý nghĩa quan trọng. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **b. Hãy cho biết ý nghĩa của các con số: tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên (Tg)**  **Tg của châu Âu năm 2005 = 10‰ - 11‰ = -1%**  **Tg của châu Phi năm 2005 = 38‰ - 15‰ = 2,3% (**1,5 điểm) |  |
|  | Tg: tỉ suất gia tang dân số tự nhiên  \* Tg của châu Âu năm 2005:  10‰ : Tỉ suất sinh thô  11‰ : Tỉ suất tử thô  -1%: Gia tăng dân số tự nhiên của Châu Âu không tăng mà giảm  \* Tg của châu Phi năm 2005  38‰ : Tỉ suất sinh thô  15‰: Tỉ suất tử thô  2,3%: Dân số Châu Phi tăng nhanh | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | 1. **Giả sử tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên là 1,32% và không đổi trong suốt thời gian sau, hãy điền vào bảng sau các số liệu còn thiếu của dân số nước ta** ( 1.25 điểm): | 1 năm 0,25 |
|  | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 1999 | 2001 | 2002 | 2005 | 2009 | 2019 | | Dân số (nghìn người) | 76.648,9 | 78.685,8 | 79.724,5 | 82.923,4 | 87.3892,1 | 99.634.5 | | 1,25 |

**Câu 5:**

- Xử lí số liệu: 0,5 điểm

Tính cơ cấu: cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế (%)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số | Chia ra | | |
| Kinh tế nhà nước | Kinh tế ngoài nhà nước | Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài |
| 2006 | 100,0 | 30,5 | 31,2 | 38,3 |
| 2010 | 100,0 | 23,3 | 35,5 | 41,2 |

* Tính bán kính đường tròn (r): 0,5 điểm

Cho r2006 = 1,0 đơn vị bán kính

r2010 = căn bậc 2 của 811182: 485844 = 1,29 đơn vị bán kính

\* Vẽ biểu đồ thích hợp nhất là tròn (1,5 điểm)

\* Nhận xét: 1,0 điểm

\* Giải thích: 0,5 điểm

……………………………………….Hết………………………………